

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 144/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà C là bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Lê Thu X, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà X là ông Trần Thanh H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số A, đường số A, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cũ: Số A, đường số A, phường D, TP ., tỉnh Long An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh X1, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Lệ T1, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1962 (đã chết năm 2019);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T2:

3.1. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1972 (vợ ông T2);

Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1991 (con ông T2);

Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Văn G, sinh năm 1993; (con ông T2)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1972 (chết năm 2012);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T3:

5.1. Ông Võ Văn Ô, sinh năm 1971 (chồng bà T3);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5.2. Võ Bích Q, sinh năm 1994 (con bà T3);

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Võ Bích N1, sinh năm 1996 (con bà T3);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5.4. Võ Ánh P, sinh năm 1998 (con bà T3);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 2.129m² thuộc thửa 32 tờ bản đồ số 12 theo vị trí các mốc mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,1 (theo sơ đồ đo đạc ngày 5/4/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

2.2. Bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm giao cho bà Lê Thu X số tiền 201.237.000đ (Hai trăm lẻ một triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

2.3. Bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị Thanh X1 số tiền 159.675.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.4. Về chi phí tố tụng: (chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản) tổng cộng là 3.911.000đ. Bà X tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Số tiền này bà C đã tạm nộp và đã chi xong, do đó bà X có nghĩa vụ giao lại cho bà C số tiền 3.911.000đ.

2.5. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí theo qui định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thanh X1 phải nộp 3.991.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thu X nộp 5.030.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp 22.416.000đ ngày 07/10/2024 theo biên lai số 0013567 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ vào tiền án phí bà X phải nộp.

Bà Lê Thu X được nhận lại 17.386.000đ tiền tạm ứng án phí của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng THA DS khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan